TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CÁT HẢI** **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2023/HNGĐ-ST
Ngày 17-5-2023
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁT HẢI, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Lưu Văn Năm

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đoàn Văn Ngọc

Bà Vũ Thị Lại

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Phạm Quang Bảo - Thư ký Toà án nhân dân huyện Cát Hải, thành phố Hải Phòng;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cát Hải tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị Mai Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 5 năm 2023 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Cát Hải, thành phố Hải Phòng, Tòa án nhân dân huyện Cát Hải xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 01/2023/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 01 năm 2023 về việc Ly hôn, tranh chấp nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 4 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Lê Văn C, sinh năm 1979; nơi cư trú: Tổ dân phố 7, thị trấn C, huyện C, thành phố Hải Phòng; có mặt.

- *Bị đơn:* Chị Vũ Thị D, sinh năm 1984; nơi cư trú: Tổ dân phố 7, thị trấn C, huyện C, thành phố Hải Phòng; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong Đơn khởi kiện ghi ngày 17/11/2022, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn là anh Lê Văn C trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Vũ Thị D kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn Cát Hải, huyện Cát Hải, thành phố Hải

Phòng vào năm 2008. Vợ chồng chung sống hòa thuận được 14 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do chị D không chung thực về kinh tế dẫn đến việc nợ nần, bản thân anh đã khắc phục trả nợ thay cho chị D, nhưng đến nay chị D vẫn nợ tiền quá nhiều, dẫn đến tình cảm vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn, xúc phạm, đánh cãi lẫn nhau. Anh và chị D sống ly thân từ tháng 9 năm 2022 đến nay và không có trách nhiệm quan tâm gì đến đời sống của nhau. Nay, anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, xin được ly hôn với chị D.

Về con chung: Anh và chị D có 02 con chung là Lê Hải N, sinh ngày 26/10/2010 và Lê Khánh Q, sinh ngày 12/5/2019. Hiện nay, anh đang làm nghề buôn bán hải sản, ngoài ra anh còn có bè nuôi hải sản trên vịnh Lan Hạ, có thu nhập ổn định hàng tháng khoảng từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đủ điều kiện để chăm sóc cho các con. Anh cho rằng chị D đang nợ nần nên không có kinh tế để chăm sóc, ngoài ra chị D nhiều lần có hành vi đe dọa anh, các con và có thể gây ảnh hưởng xấu tới sức khỏe, tính mạng của các cháu. Do vậy, anh đề nghị Tòa án giao cả hai con cho anh nuôi, anh không yêu cầu chị D cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn là chị Vũ Thị D trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị thống nhất với việc trình bày của anh C về điều kiện, hoàn cảnh, thời gian kết hôn, thời gian chung sống cũng như nguyên nhân mâu thuẫn gia đình đúng như anh C trình bày; chị nhận thấy tình cảm vợ chồng đến nay đã không còn nhưng vì các con của anh chị còn nhỏ và chị mong muốn vợ chồng được đoàn tụ, nay anh C kiên quyết xin ly hôn, thì chị cũng đồng ý.

Về con chung: Chị thống nhất, chị và anh C có 02 con chung, ngày, tháng, năm sinh của các con đúng như anh C trình bày. Chị đang làm công việc bán hải sản thuê, có thu nhập hàng tháng khoảng từ 12.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng, do đó chị đề nghị được nuôi cháu Lê Khánh Q và đồng ý để anh C nuôi dưỡng cháu Lê Hải N. Về cấp dưỡng nuôi con, chị không yêu cầu anh C cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án đã tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, nguyên đơn và bị đơn đã thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án. Tuy nhiên, chưa hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày Tòa án lập biên bản thì bị đơn có đơn xin thay đổi ý kiến mà hai bên thỏa thuận. Do vậy, Tòa án đã đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Cát Hải phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Nguyên đơn và bị đơn đều cư trú tại thị trấn Cát Bà, huyện Cát Hải, nên việc Tòa án nhân dân huyện Cát Hải thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền. Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn và bị đơn đều đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo luật định

Về nội dung vụ án: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, cho thấy quan hệ hôn nhân giữa anh C và chị D đã mâu thuẫn trầm trọng, mục đích của hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung không thể kéo dài, tại phiên tòa anh C và chị D đều có quan điểm thuận tình ly hôn nên đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu này của các đương sự. Về con chung, anh C và chị D có 02 con chung là Lê Hải N, sinh ngày 26/10/2010 và Lê Khánh Q, sinh ngày 12/5/2019, anh C yêu cầu được nhận nuôi cả 02 con và chị D yêu cầu được nuôi 01 con; để đảm bảo quyền lợi cho các cháu, cháu Q mới được 04 tuổi nên việc giao cháu cho chị D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp với quy định của pháp luật, giao cháu N cho anh C trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp với nguyện vọng của cháu. Về cấp dưỡng nuôi con, chị D và anh C không yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét. Về tài sản chung, anh C và chị D đều không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 51, 55, 56, 81, 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận việc thuận tình ly hôn giữa anh C và chị D;

- Về con chung: Giao cháu Lê Hải N cho anh C và giao cháu Lê Khánh Q cho chị D chăm sóc, nuôi dưỡng;

- Về án phí: Anh C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo luật định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Đây là quan hệ về ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chị D cư trú tại: Tổ dân phố 7, thị trấn C, huyện C, thành phố Hải Phòng. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cát Hải.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh C và chị D kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn Cát Hải, huyện Cát Hải, thành phố Hải Phòng, Giấy chứng nhận kết hôn số 43 ngày 24/10/2008. Theo quy định tại Điều 9 và Điều 11 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000, đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

[3] Các tài liệu, chứng cứ mà Tòa án thu thập được, xác định: Sau khi kết hôn, anh C và chị D chung sống hòa thuận được 14 năm thì xảy ra mâu thuẫn về kinh tế, do chị D vay mượn tiền và khó có khả năng trả nợ, anh C đã nhiều lần đứng ra trả nợ thay cho chị D nhưng không thể trả hết được nợ dẫn đến phong cách sống của hai bên không còn phù hợp, không còn thương yêu, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau và không tin tưởng nhau về tình cảm, thường xuyên xúc phạm, đánh cãi lẫn nhau; hai bên gia đình cũng đã tác động, khuyên giải cho anh chị được đoàn tụ nhưng không có kết quả; anh, chị sống ly thân từ tháng 9/2022 cho đến nay. Nay, anh C và chị D đều xác định tình cảm vợ chồng không còn và xin được thuận tình ly hôn; như vậy nhận thấy, quan hệ hôn nhân giữa anh C và chị D đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, vì vậy, yêu cầu xin thuận tình ly hôn của anh C và chị D là thật sự tự nguyện cần được chấp nhận.

[4] Về con chung: Anh C và chị D có 02 con chung là Lê Hải N, sinh ngày 26/10/2010 và Lê Khánh Q, sinh ngày 12/5/2019, anh C yêu cầu được nhận nuôi cả 02 con và chị D yêu cầu được nuôi 01 con (Lê Khánh Q); để đảm bảo quyền lợi cho các cháu, cho người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con, cháu Q mới được 04 tuổi nên việc giao cháu cho chị D là phù hợp với quy định của pháp luật, giao cháu N cho anh C là phù hợp với nguyện vọng của cháu. Về cấp dưỡng nuôi con, chị D và anh C không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản chung: Anh C và chị D không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Anh C là nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban

Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[7] Về quyền kháng cáo: Anh C và chị D có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, Điều 55, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận thuận tình ly hôn giữa anh Lê Văn C và chị Vũ Thị D.

2. Về con chung: Giao cháu Lê Hải N, sinh ngày 26/10/2010 cho anh Lê Văn C và giao cháu Lê Khánh Q, sinh ngày 12/5/2019 cho chị Vũ Thị D; chị D, anh C trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đối với con được giao cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi hoặc cho đến khi có sự thay đổi khác về người trực tiếp nuôi con, về cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật. Về cấp dưỡng nuôi con, chị D, anh C không yêu cầu nên Tòa án không xem xét.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở và không được lạm dụng quyền này để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con; người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

3. Về án phí: Anh C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng theo biên lai số 0009880 ngày 11/01/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cát Hải, thành phố Hải Phòng; anh C đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Anh C và chị D có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND TP Hải Phòng;
- VKSND TP Hải Phòng;
- VKSND huyện Cát Hải;
- Chi cục THADS huyện Cát Hải;
- UBND thị trấn C, huyện Cát Hải
(Đăng ký kết hôn ngày 24/10/2008);
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lưu Văn Năm